

Số: 1250/2026/QĐST-HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1308/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người yêu cầu:

- Ông **Trịnh Nguyễn Anh K**, sinh ngày 08/12/2002; Căn cước công dân số: 0792020xxxxx cấp ngày 12/02/2023. Địa chỉ thường trú: 2 N, Phường E, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh)

.- Bà **Nguyễn Chúc Đ**, sinh ngày 01/7/1999; Căn cước số: 0951990xxxxx cấp ngày 14/09/2024. Địa chỉ thường trú: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã L, tỉnh Cà Mau). Nơi làm việc: 61 đường Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/6/2026, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ việc:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Chúc Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trịnh Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Chúc Đ không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về lệ phí: Hai bên thống nhất chịu theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Chúc Đ thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trịnh Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Chúc Đ (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, đăng ký ngày 22/5/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2. Về con chung: Ông Trịnh Nguyễn Anh K và bà Nguyễn Chúc Đ không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông K và bà Đ phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông K và bà Đ đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032078 ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K và bà Đ đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Những người yêu cầu;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự, 12.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Danh Dòì